TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/DS - ST
Ngày 28 tháng 02 năm 2024
"V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên toà: Ông Thủy Sơn Phương **–** Thư ký Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 tháng 02 năm 2024 và ngày 28 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 470/2023/TLST - DS ngày 15 tháng 12 năm 2023 về "***Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST - DS ngày 19 tháng 01 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2024/QĐST - DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị H, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số 145 đường LD, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Có mặt

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thắng T, sinh năm 1979
Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 1347 QL 19, thôn HR, xã CH, phường CL, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ông T có mặt, bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2023, bản tự khai ngày 18 tháng 12 năm 2023, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:

Ông Nguyễn Thắng T và bà Nguyễn Thị L nhiều lần vay tiền của bà để đáo hạn ngân hàng và trả nợ đúng hạn nên bà tin tưởng. Ngày 29 tháng 8 năm 2020, bà cho ông Nguyễn Thắng T và bà Nguyễn Thị L vay số tiền 430.000.000 (bốn trăm ba mươi triệu) đồng để mua cây giống hoa lan, lãi suất thỏa thuận, sau 12 ngày sẽ trả cả gốc và lãi, ông T, bà L có viết Giấy mượn tiền, giao bản gốc Chứng minh nhân dân cùng Sổ hộ khẩu cho bà giữ. Đến hạn bà nhiều lần yêu cầu ông T, bà L thanh toán nợ nhưng ông bà viện nhiều lý do như chưa lấy được hàng hoặc đợi bán tài sản từ đó cố tình trì hoãn việc trả nợ. Trong thời gian này, ông T, bà L trả tiền lãi nhiều lần với tổng số tiền tính đến tháng 12 năm 2021 là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Bà có nhận của ông Nguyễn Thắng T số tiền 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng nhưng trước thời điểm ông T, bà L viết Giấy mượn tiền ngày 29 tháng 8 năm 2020. Đây là số tiền ông T, bà L trả cho khoản nợ khác không liên quan đến khoản vay 430.000.000 (bốn trăm ba mươi triệu) đồng. Các chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu bà cũng đã trả lại cho ông T, bà L.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết, buộc ông Nguyễn Thắng T, bà Nguyễn Thị L trả cho bà số tiền nợ gốc là 430.000.000 (bốn trăm ba mươi triệu) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 28 tháng 12 năm 2023, các chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, ông Nguyễn Thắng T trình bày:

Vào năm 2017 ông có vay tại Ngân hàng Hợp tác xã bên đường PĐP, thành phố P, thế chấp đất rẫy. Vào năm 2018 ông vay tiền của bà Võ Thị H để đáo hạn với số tiền là 570.000.000 (năm trăm bảy mươi triệu) đồng nhưng ngân hàng không chấp nhận cho vay lại. Lúc này, bà Võ Thị H giữ lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu. Sau 05 - 06 tháng, ông và bà Nguyễn Thị L nói bà H đưa lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT (S) với số tiền 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng và trực tiếp trả cho bà H 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng. Sau này ông nhiều lần đưa tiền cho bà H với tổng số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Bà Võ Thị H cũng thừa nhận đã nhận của ông các khoản tiền này. Hiện nay, ông và bà Nguyễn Thị L hiện còn nợ bà H số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, hiện nay điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên ông đề nghị bà H không tính lãi và xin trả nợ gốc trong vòng 03 tháng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thắng T trình bày số tiền 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng được trả cho bà Võ Thị H vào năm 2019 và số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng là tiền trả lãi đối với khoản vay vợ chồng ông hiện còn nợ bà H. Trong số tiền 430.000.000 (bốn trăm ba mươi triệu) đồng mà bà Võ Thị H khởi kiện có cả tiền nợ gốc và lãi chưa trả của khoản vay 570.000.000 (năm trăm bảy mươi triệu) đồng cộng lại viết thành Giấy mượn tiền ngày 29 tháng 8 năm 2020 cho nên ông không đồng ý với yêu cầu tính lãi trên khoản nợ 430.000.000 đồng của bà Võ Thị H.

Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng theo Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 05 tháng 02 năm 2024, ý kiến của bà Nguyễn Thị L như sau: Bà thống nhất theo ý kiến của ông Nguyễn Thắng T nêu tại Bản tự khai ngày 28 tháng 12 năm 2023 và trình bày tại phiên tòa đồng thời bà đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, xác minh, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa, riêng bị đơn Nguyễn Thị L việc chấp hành theo pháp luật tố tụng dân sự còn hạn chế. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Các đương sự chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã thu thập văn bản Thông báo về việc trả lời đơn số 2818/TB - ĐTTH ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P theo yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tại phiên tòa ngày 05 tháng 02 năm 2024.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà bà Võ Thị H, buộc ông Nguyễn Thắng T và bà Nguyễn Thị L trả cho bà Võ Thị H số tiền nợ gốc 430.000.000 (bốn trăm ba mươi triệu) đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 với mức lãi suất làm căn cứ tính lãi là 10%/năm. Ông Nguyễn Thắng T và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Do ông Nguyễn Thắng T, bà Nguyễn Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Võ Thị H khi đến hạn theo thỏa thuận trong Giấy mượn tiền ngày 29 tháng 8 năm 2020 nên bà H đã phát sinh quyền khởi kiện.

Tranh chấp phát sinh từ Giấy mượn tiền ngày 29 tháng 8 năm 2020 nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự cụ thể là Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản; bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố P nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L có Đơn đề nghị Tòa án tiến hành thủ tục tố tụng, hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 05 tháng 02 năm 2024 nên căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị L.

[2] Mặc dù lời khai của bà Võ Thị H và ông Nguyễn Thắng T không thống nhất về số tiền vay và số tiền cụ thể ông T, bà L hiện còn nợ bà H nhưng điều này thể hiện việc ông Nguyễn Thắng T, bà Nguyễn Thị L đã vay và đến nay còn nợ tiền của bà Võ Thị H là có thật.

Nội dung ghi trên Giấy mượn tiền ngày 29 tháng 8 năm 2020 do chính ông Nguyễn Thắng T viết, sau đó ông T và bà L cùng ký và ghi họ tên bên dưới mục "*Người mượn tiền*".

Trên Giấy mượn tiền này chỉ thể hiện số tiền ông T và bà L vay của bà Võ Thị H vào thời điểm lập giấy vay là 430.000.000 (bốn trăm ba mươi triệu) đồng, không thể hiện trong số tiền này bao gồm cả tiền nợ gốc còn lại và tiền lãi chưa trả của khoản vay trước đó, vấn đề này cũng không được bà H thừa nhận nên chỉ có căn cứ xác định đây là một khoản vay độc lập. Theo đó, Giấy mượn tiền ngày 29 tháng 8 năm 2020 là hình thức bằng văn bản của giao dịch vay tiền, tuy không thể hiện đầy đủ nội dung của hợp đồng vay tài sản nhưng được lập trên cơ sở tự nguyện giữa các bên, đối tượng giao kết hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

Đối với số tiền 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng, theo Biên bản làm việc ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại Công an thành phố P, ông Nguyễn Thắng T xác định số tiền 270.000.000 đồng được trả trong năm 2020 cho khoản vay 430.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 29 tháng 8 năm 2020 nhưng không cung cấp được chứng cứ trực tiếp hoặc gián tiếp để chứng minh; quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nội dung liên quan đến số tiền 270.000.000 đồng được thay đổi thành trả vào năm 2018 và tại phiên tòa là trả vào năm 2019 cho khoản vay 570.000.000 đồng đều trước thời điểm ngày 29 tháng 8 năm 2020, nội dung thay đổi này phù hợp với lời khai - *số tiền này được trả cho khoản nợ trước đó không liên quan đến số tiền 430.000.000 đồng* - được bà H trình bày thống nhất từ giai đoạn làm việc tại cơ quan công an cũng như khởi kiện tại Tòa án; đồng thời bà H không thừa nhận khoản vay 570.000.000 đồng từ năm 2018 có mối liên hệ với khoản vay 430.000.000 đồng năm 2020 mà bà đang khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ nhận định số tiền 270.000.000 đồng được trả cho khoản vay 430.000.000 đồng ngày 29 tháng 8 năm 2020.

Đối với số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, tại phiên tòa ông T xác nhận số tiền này là ông và bà L trả tiền lãi cho khoản vay còn nợ bà H được chính bà H thừa nhận nên về mặt pháp lý số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng này đương nhiên được nhận định là tiền lãi không cần chứng minh. Theo bà H, giữa bà và ông T chỉ còn khoản nợ 430.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 29 tháng 8 năm 2020 và số tiền 50.000.000 đồng được cộng dồn tự nhiều khoản tiền nhỏ chốt đến tháng 12 năm 2022 nên có đủ căn cứ nhận định số tiền lãi 50.000.000 đồng được trả cho khoản vay 430.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ khấu trừ số tiền này vào số tiền lãi mà ông T, bà L có nghĩa vụ thanh toán cho bà H.

[3] Theo Giấy mượn tiền ngày 29 tháng 8 năm 2020, tiền lãi được tính theo lãi suất đã thỏa thuận giữa bà H và ông T vào thời điểm vay nhưng các bên không thống nhất về mức lãi suất nên căn cứ theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất là 10%/năm. Tiền lãi của khoản vay 430.000.000 đồng cụ thể như sau:

Từ ngày 29 tháng 8 năm 2020 đến ngày 09 tháng 01 năm 2021 là 12 ngày, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: 430.000.000 đồng x 12 ngày x 10%/năm = 1.433.333 (một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

Từ ngày 10 tháng 01 năm 2021 đến ngày 28 tháng 02 năm 2024 là 03 năm 01 tháng 18 ngày:

- Tiền lãi trên nợ lãi chậm trả: 1.433.333 đồng x 03 năm 01 tháng 18 ngày x 10%/năm = 449.111 (bốn trăm bốn mươi chín nghìn một trăm mười một) đồng

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: 430.000.000 đồng x 03 năm 01 tháng 18 ngày x 150% x 10%/năm = 202.100.000 (hai trăm lẻ hai triệu một trăm nghìn) đồng.

Tiền lãi tổng cộng là: 203.982.444 (hai trăm lẻ ba triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi bốn) đồng, sau khi khấu trừ số tiền lãi đã trả là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, số tiền lãi còn phải trả là 153.982.444 (một trăm năm mươi ba triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi bốn) đồng.

Như vậy có cơ sở xác định, ông Nguyễn Thắng T và bà Nguyễn Thị L nợ tiền vay của bà Võ Thị H, ông T, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần buộc ông Nguyễn Thắng T và bà Nguyễn Thị L trả cho bà Võ Thị H số tiền 583.982.444 (năm trăm tám mươi ba triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi bốn) đồng trong đó nợ gốc là 430.000.000 (bốn trăm ba mươi triệu) đồng và nợ lãi là 153.982.444 (một trăm năm mươi ba triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi bốn) đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Võ Thị H được chấp nhận nên ông Nguyễn Thắng T và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí

20.000.000 đồng x 4% x 183.982.444 đồng = 27.359.298 (hai mươi bảy triệu ba trăm năm mươi chín nghìn hai trăm chín mươi tám) đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Căn cứ các Điều 4, 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 97, Điều 186, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Thắng T và bà Nguyễn Thị L thanh toán nợ vay.

Buộc ông Nguyễn Thắng T và bà Nguyễn Thị L trả cho bà Võ Thị H số tiền 583.982.444 (năm trăm tám mươi ba triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Ông Nguyễn Thắng T và bà Nguyễn Thị L phải chịu 27.359.298 (hai mươi bảy triệu ba trăm năm mươi chín nghìn hai trăm chín mươi tám) đồng sung công quỹ Nhà nước

Bà Võ Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.400.000 (mười hai triệu bốn trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0001107 ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố P.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp L.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy dịnh tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự và và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**